

Số: 2022/QĐ-BVTV-PB

Hà Nội, ngày 12 tháng 9 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam**

**CỤC TRƯỞNG CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT**

*Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón;*

*Căn cứ Quyết định số 928/QĐ-BNN-TCCB ngày 24 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Bảo vệ thực vật;*

*Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý phân bón,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận 05 (năm) phân bón lưu hành tại Việt Nam (Danh sách kèm theo) của tổ chức, cá nhân sau:

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký: Công ty TNHH hóa chất và phân bón Đại Việt

Địa chỉ: 108/2/7 Nguyễn Văn Khối, Phường 9, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0903859146

Mã số doanh nghiệp: 0309075924

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 9 năm 2023 đến ngày 11 tháng 9 năm 2028.

**Điều 3.** Tổ chức, cá nhân có tên tại Điều 1 và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: QL PB.



**Nguyễn Thị Thu Hương**

**DANH SÁCH PHÂN BÓN CÔNG NHẬN LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM  
CỦA CÔNG TY TNHH HÓA CHẤT VÀ PHÂN BÓN ĐẠI VIỆT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2022/QĐ-BVTV-PB ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật)

| STT | Loại phân bón   | Tên phân bón | Mã số phân bón(*) | Chỉ tiêu chất lượng                                                                                                                          | Phương thức sử dụng(**)     | Hướng dẫn sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                        | Hạn sử dụng                  |
|-----|-----------------|--------------|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|
| 1   | Phân bón hữu cơ | Scocotra     | 28485             | Chất hữu cơ: 65%;<br>Đạm tổng số ( $N_t$ ): 3%;<br>Kali hữu hiệu ( $K_2O_{hh}$ ): 2,2%;<br>Tỷ lệ C/N: 12;<br>Độ ẩm: 28%;<br>$pH_{H_2O}$ : 5. | Bón rãnh <sup>(b,h,v)</sup> | 1. Cây công nghiệp: 1.000-1.500 kg/ha/lần, bón vào đầu và cuối mùa mưa.<br>2. Cây ăn trái: 1.000-1.500 kg/ha/lần, bón vào giai đoạn phục hồi cây ngay sau khi thu hoạch.<br>3. Cây lấy củ, cây rau, cây hoa, cây kiểng, cây lương thực: 200-500 kg/ha/lần, bón lót trước khi gieo trồng. | 36 tháng kể từ ngày sản xuất |
| 2   | Phân bón hữu cơ | Arnoldii     | 28486             | Chất hữu cơ: 70%;<br>Đạm tổng số ( $N_t$ ): 3%;<br>Kali hữu hiệu ( $K_2O_{hh}$ ): 2,5%;<br>Tỷ lệ C/N: 12;<br>Độ ẩm: 24%;<br>$pH_{H_2O}$ : 5. | Bón rãnh <sup>(b,h,v)</sup> | 1. Cây công nghiệp: 1.000-1.500 kg/ha/lần, bón vào đầu và cuối mùa mưa.<br>2. Cây ăn trái: 1.000-1.500 kg/ha/lần, bón vào giai đoạn phục hồi cây ngay sau khi thu hoạch.<br>3. Cây lấy củ, cây rau, cây hoa, cây kiểng, cây lương thực: 200-500 kg/ha/lần, bón lót trước khi gieo trồng. | 36 tháng kể từ ngày sản xuất |
| 3   | Phân bón hữu cơ | Tenaxor      | 28487             | Chất hữu cơ: 75%;<br>Đạm tổng số ( $N_t$ ): 3%;<br>Kali hữu hiệu ( $K_2O_{hh}$ ): 1,5%;<br>Tỷ lệ C/N: 12;<br>Độ ẩm: 20%;<br>$pH_{H_2O}$ : 5. | Bón rãnh <sup>(b,h,v)</sup> | 1. Cây công nghiệp: 1.000-1.500 kg/ha/lần, bón vào đầu và cuối mùa mưa.<br>2. Cây ăn trái: 1.000-1.500 kg/ha/lần, bón vào giai đoạn phục hồi cây ngay sau khi thu hoạch.<br>3. Cây lấy củ, cây rau, cây hoa, cây kiểng, cây lương thực: 200-500 kg/ha/lần, bón lót trước khi gieo trồng. | 36 tháng kể từ ngày sản xuất |
| 4   | Phân bón hữu cơ | Rafflesor    | 28488             | Chất hữu cơ: 67%;<br>Đạm tổng số ( $N_t$ ): 4%;<br>Kali hữu hiệu ( $K_2O_{hh}$ ): 1,5%;<br>Tỷ lệ C/N: 12;<br>Độ ẩm: 27%;<br>$pH_{H_2O}$ : 5. | Bón rãnh <sup>(b,h,v)</sup> | 1. Cây công nghiệp: 1.000-1.500 kg/ha/lần, bón vào đầu và cuối mùa mưa.<br>2. Cây ăn trái: 1.000-1.500 kg/ha/lần, bón vào giai đoạn phục hồi cây ngay sau khi thu hoạch.<br>3. Cây lấy củ, cây rau, cây hoa, cây kiểng, cây lương thực: 200-500 kg/ha/lần, bón lót trước khi gieo trồng. | 36 tháng kể từ ngày sản xuất |
| 5   | Phân bón hữu cơ | Welchior     | 28489             | Chất hữu cơ: 56%;<br>Đạm tổng số ( $N_t$ ): 3%;<br>Kali hữu hiệu ( $K_2O_{hh}$ ): 2%;                                                        | Bón rãnh <sup>(b,h,v)</sup> | 1. Cây công nghiệp: 1.000-1.500 kg/ha/lần, bón vào đầu và cuối mùa mưa.<br>2. Cây ăn trái: 1.000-1.500 kg/ha/lần, bón vào giai đoạn phục                                                                                                                                                 | 36 tháng kể từ ngày sản      |

|  |  |  |  |                                                                    |                                                                                                                                                 |      |
|--|--|--|--|--------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
|  |  |  |  | Tỷ lệ C/N: 12;<br>Độ ẩm: 30%;<br>pH <sub>H<sub>2</sub>O</sub> : 5. | hồi cây ngay sau khi thu hoạch.<br>3. Cây lấy củ, cây rau, cây hoa, cây kiềng, cây lương thực: 200-500 kg/ha/lần, bón lót trước khi gieo trồng. | xuất |
|--|--|--|--|--------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|

**Ghi chú:** (\*) Mã số phân bón là số gồm năm chữ số thể hiện trên bao bì, nhãn mác;  
(\*\*) Viết tắt dạng phân bón: <sup>(b)</sup> - dạng bột; <sup>(h)</sup> - dạng hạt; <sup>(v)</sup> - dạng viên.

